

Bản án số: 442/2026/HNGĐ-ST
Ngày 10-7-2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Thành;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đinh Thị Chung;
2. Bà Lý Thị Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Đan Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1
- Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Ngô Tiến Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2026/TLST- HNGĐ, ngày 25 tháng 02 năm 2026 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09/6/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 25/6/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị T**, sinh năm 1989; Số CC 008189000126;

Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã P, thành phố Hà Nội., Có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Anh **Trịnh Văn H**, sinh năm 1988; Số CC 001088027441. Nơi ĐK Tạm trú: Tổ d, phường A, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Vũ Thị T trình bày:*

Chị và anh Trịnh Văn H sau khi tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đã tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Tâm, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội 25/9/2012 theo quy định của pháp luật. Khoảng thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng sau đó một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 01/2026. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị Tòa cho chị được ly hôn với anh H theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Trịnh Vũ Bảo T, sinh ngày 08/7/2013 và Trịnh Vũ Bảo Nam, sinh ngày 07/9/2017.

Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cho chị nuôi cả 02 con chung. Đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con hằng tháng cho mỗi cháu là 1.000.000đ.

Về tài sản chung: Chị không đề nghị chia.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không có.

Về án phí: Chị xin tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Trịnh Văn H không trình bày ý kiến về việc khởi kiện của chị Thảo mặc dù được triệu tập hợp lệ. Toà án không lấy được lời khai được anh H.

Toà án lấy ý kiến các con chung, các cháu trình bày muốn ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Chị Thảo có đơn xin xét xử vắng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 207, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 BLTTDS, các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị T; Xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Trịnh Văn H.

Về con chung: Giao cháu Trịnh Vũ Bảo T và Trịnh Vũ Bảo Nam cho chị Thảo trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, Anh H pH cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng cho mỗi cháu là 1.000.000đ. Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định.

Tài sản chung, vay nợ chung: Không pH xem xét giải quyết.

Về án phí và quyền kháng cáo: Đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trịnh Văn H đăng ký có nơi ở tại phường A, tỉnh Tuyên Quang. Chị Vũ Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 của BLTTDS.

Chị Thảo có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 và Điều 238, Toà án tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T anh Trịnh Văn H có đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Tâm, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện. Quan hệ hôn nhân giữa chị Thảo và anh H là hợp pháp.

Sau khi đăng ký kết hôn, anh chị chung sống đến năm 2023 xảy ra mâu thuẫn. Chị Thảo đã sống ly thân với anh H từ tháng 01/2026, không ai còn quan

tâm, chăm sóc đến ai. Xét mâu thuẫn giữa chị Thảo và anh H đã trầm trọng, đời sống chung đã không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị T, xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Trịnh Văn H theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Chị Vũ Thị T và anh Trịnh Văn H có 02 con chung là cháu Trịnh Vũ Bảo T, sinh ngày 08/7/2013 và Trịnh Vũ Bảo Nam, sinh ngày 07/9/2017. Các cháu đều trình bày muốn ở với mẹ.

Xét để đảm bảo quyền lợi của các con. Giao cả 02 cháu cho chị Thảo trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục

Về cấp dưỡng, chị Thảo đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng cho mỗi con là 1.000.000đ. Anh H không hợp tác làm việc với Toà án. Nhưng xét thấy Mức lương tối thiểu đối với Vùng III hiện nay (Theo Nghị định 293/2025/NĐ-CP) là 4.140.000 đồng/tháng (Vùng III gồm các huyện, thị xã trực thuộc tỉnh, hoặc các khu vực ngoại thành của các thành phố trực thuộc trung ương có mức độ phát triển kinh tế trung bình). Do đó có căn cứ chấp nhận mức cấp dưỡng do chị Thảo đề nghị.

Anh H được quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung chị Vũ Thị T không đề nghị giải quyết; nợ chung chị Vũ Thị T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không pH xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định và bị đơn pH chịu án phí cấp dưỡng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

[6] Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 207, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự, các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị T.

Cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Trịnh Văn H. (Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Tâm, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội (Nay là xã Phúc Sơn) 25/9/2012

2. Về con chung:

Giao cháu Trịnh Vũ Bảo T, sinh ngày 08/7/2013 và Trịnh Vũ Bảo N, sinh ngày 07/9/2017 cho chị Thảo trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, Anh Trịnh Văn H pH cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng cho mỗi con là 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi từng cháu đủ 18 tuổi, Phương thức cấp dưỡng hằng tháng từ tháng 7 năm 2026. Anh H được quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Khoản tiền pH cấp dưỡng trên, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí không có giá ngạch. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Thảo đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000289 ngày 12/2/2026, của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Chị Thảo đã nộp đủ án phí.

Anh Trịnh Văn H pH chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí không có giá ngạch.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị T và anh Trịnh Văn H được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND KV1- Tuyên Quang;
- UBND xã Phúc Sơn – Hà Nội (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Anh Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thảo – Lý Thị Nhân

Phan Anh Thành

